

Số: 4505 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 11 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform) tỉnh Thanh Hóa**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; Luật Công nghệ thông tin (CNTT) số 67/2006/QH11;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 06/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT;*

*Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 352/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform) tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án: Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform) tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định dự án Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform) tỉnh Thanh Hóa tại văn bản số 06/HĐTĐ-BCTĐ ngày 01/11/2021; của Sở Thông tin và Truyền thông tại văn bản số 2082/STTTT-KHTC ngày 04/10/2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform) tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform) tỉnh Thanh Hóa.

**2. Chủ đầu tư:** Sở Thông tin và Truyền thông.

**3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi:** Trung tâm tư vấn nghiệp vụ và hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư công nghệ thông tin, Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông.

**4. Mục tiêu đầu tư:** Hình thành công tích hợp dữ liệu mở thống nhất của tỉnh, đáp ứng nhu cầu chia sẻ, truy cập dữ liệu cho các cơ quan đơn vị và nhu cầu tìm kiếm, tra cứu, sử dụng dữ liệu của người dân.

**5. Quy mô đầu tư:**

- Xây dựng phần mềm hệ thống nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform).

- Cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng các dịch vụ dữ liệu.

*(Nội dung chi tiết có Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án kèm theo).*

**6. Địa điểm đầu tư:** Sở Thông tin và Truyền thông.

**7. Thiết kế cơ sở:**

7.1. Giải pháp thiết kế cần tuân thủ: Thông số kỹ thuật áp dụng Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, bao gồm:

- + Các tiêu chuẩn kết nối.
- + Các tiêu chuẩn tích hợp dữ liệu.
- + Các tiêu chuẩn lưu trữ dữ liệu.
- + Các tiêu chuẩn truy cập thông tin.
- + Các tiêu chuẩn biểu diễn dữ liệu.
- + Các tiêu chuẩn an toàn thông tin.

Theo thiết kế cơ sở đã được Hội đồng thẩm định (do Sở Thông tin và Truyền thông thành lập) thẩm định tại Báo cáo thẩm định ngày 11/10/2021 và Báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo.

7.2. Giải pháp thiết kế cơ sở cho phép chủ đầu tư được thay đổi trong bước thiết kế tiếp theo: Không có.

**8. Tổng mức đầu tư: 12.070.800.000 đồng;**

*Trong đó:*

- Chi phí thiết bị, phần mềm: 9.869.806.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 253.309.000 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư: 768.071.000 đồng;
- Chi phí khác: 82.269.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.097.345.000 đồng.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

**9. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước để tăng cường cơ sở vật chất và phát triển chính quyền điện tử hàng năm.

**10. Hình thức quản lý:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**11. Thời gian thực hiện:** Không quá 03 năm (năm 2021 - 2023).

**Điều 2.** Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Thông tin và Truyền thông (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc liên quan đến ngành; hướng dẫn, giúp đỡ chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Thành viên HĐ thẩm định (QĐ số 3140/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh);
- Lưu: VT; QLCTTĐT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ****Dự án Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform) tỉnh Thanh Hóa***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị tính: Đồng.*

STT	Nội dung chi phí	Diễn giải cách tính	Giá trị trước Thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế GTGT
<b>I</b>	<b>Chi phí thiết bị, phần mềm (Gtb)</b>		<b>9.869.805.794</b>		<b>9.869.805.794</b>
1	Chi phí xây dựng Cổng dữ liệu mở	Theo Công văn 2589/BTTTT-UDCNTT ngày 24/08/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông	9.599.179.000		9.599.179.000
2	Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu	Theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông	158.046.794		158.046.794
3	Chi phí đào tạo	Tạm tính theo dự toán của chủ đầu tư lập	112.580.000		112.580.000
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)</b>	<b>Gtb x 2,567%</b>	<b>253.308.705</b>		<b>253.308.705</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư (Gtv)</b>		<b>698.246.112</b>	<b>69.824.611</b>	<b>768.070.723</b>
1	Điều tra, khảo sát phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Theo Quyết định số 10/QĐ-STTTT ngày 11/01/2021 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	28.923.636	2.892.364	31.816.000
2	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtb x 0,980%	96.752.533	9.675.253	106.427.786
3	Chi phí lập thiết kế chi tiết và dự toán	Gtb (không bao gồm chi phí tạo lập CSDL) x 3,301%	320.593.678	32.059.368	352.653.045
4	Chi phí thẩm tra thiết kế thi công	Gtb (không bao gồm chi phí tạo lập CSDL) x 0,085%	8.271.493	827.149	9.098.642
5	Chi phí thẩm tra dự toán	Gtb (không bao gồm chi phí tạo lập CSDL) x 0,074%	7.234.477	723.448	7.957.925

6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	Gtb x 0,380%	37.529.732	3.752.973	41.282.705
7	Chi phí giám sát thi công	Gtb x 2,016%	198.940.563	19.894.056	218.834.620
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác (Gk)</b>		<b>76.353.368</b>	<b>5.915.943</b>	<b>82.269.311</b>
1	Phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	Gtb x 0,1%	9.869.806	986.981	10.856.786
2	Lệ phí thẩm định dự án	TMĐT x 0,019%	2.280.000		2.280.000
3	Chi phí kiểm toán độc lập	TMĐT (sau loại trừ) x 0,64% x 70%	49.289.625	4.928.963	54.218.588
4	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	TMĐT (sau loại trừ) x 0,387% x 70% x 50%	14.913.938		14.913.938
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng (Gdp)</b>	<b>10% x (Gtb + Gqlđ + Gtv + Gk)</b>			<b>1.097.345.453</b>
<b>Tổng cộng (I+II+III+IV+V)</b>		<b>Gtb+Gqlđ + Gtv + Gk + Gdp</b>			<b>12.070.799.987</b>
<b>TỔNG (làm tròn)</b>					<b>12.070.800.000</b>